

Số: 61/2025/QĐST - HNGĐ

Tam Đường, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Hoá

Thư ký phiên họp: Ông Sùng A Thắng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025. Về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2025/QĐST- HNGĐ **ngày 17 tháng 6 năm 2025**, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lý Thị M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng A Q, sinh ngày 01/01/1993. Địa chỉ: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Chị Phàn Thị N, sinh ngày 20/02/2000. Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật:

Ông Đoàn Văn N1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Lý Thị M trình bày:

Bà Lý Thị M có con gái là Phan Thị N, sinh ngày 20/02/2000 và con rể là Hoàng A Q sinh ngày 01/01/1993. Ngày 11/10/2017 chị Phan Thị N và anh Hoàng A Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, chị Phan Thị N chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Phan Thị N sinh ngày 19/02/1999 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn của chị N và anh Q là vi phạm quy định nên bà Lý Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Đường hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phan Thị N và anh Hoàng A Q.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị N và anh Hoàng A Q đều trình bày: Chị N và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, Phan Thị N chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Phan Thị N sinh ngày 19/02/1999 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn nên Ủy ban nhân dân xã B đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Phan Thị N, sinh ngày 19/02/1999 và Hoàng A Q, sinh ngày 01/01/1993. Trước đây trong giấy khai sinh đăng ký ngày 05/06/2007 chị Phan Thị N sinh ngày 20/02/2000, hiện nay trong Căn cước công dân và xác nhận thông tin nơi cư trú có tên là Phan Thị N, sinh ngày 20/02/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N và anh Q chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2024 bắt đầu mâu thuẫn. Chị N và anh Q đồng ý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lý Thị M.

Về nuôi con: Chị N, anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Thu N2 sinh ngày 07/10/2017. Anh Q và chị N tự nguyện thỏa thuận chị Phan Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu N2 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh Hoàng A Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự đại diện Ủy ban nhân dân xã B trình bày: Anh Hoàng A Q và chị Phan Thị N đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm kết hôn chị Phan Thị N có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Phan Thị N sinh

ngày 19/02/1999 để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Q và chị N. Nên UBND xã B đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Phan Thị N sinh ngày 19/02/1999 và Hoàng A Q, sinh ngày 01/01/1993, vào sổ số 25, ngày 11/10/2017. Theo tài liệu bà M gửi cho Tòa án trong bản sao giấy khai sinh chị Phan Thị N sinh ngày 20/02/2000, trong đơn xin xác nhận thể hiện chị Phan Thị N sinh ngày 20/02/2000 và chị Phan Thị N, sinh ngày 19/02/1999 là một người có tên đúng là Phan Thị N sinh ngày 20/02/2000. Và chị Phan Thị N sinh ngày 20/02/2000 là chính xác. Do vậy việc đăng ký kết hôn của anh Hoàng A Q và chị Phan Thị N trước kia không đúng theo quy định nên UBND xã B nhất trí với đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phan Thị N và anh Hoàng A Q

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng Thu N2 thể hiện: Cháu N2 và là con chung của anh Hoàng A Q và chị Phan Thị N, cháu không có tài sản riêng. Cháu N2 có nguyện vọng được ở với chị Phan Thị N.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Lý Thị M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phan Thị N và anh Hoàng A Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 11/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Hoàng A Q và chị Phan Thị N về nuôi con chung. Đề nghị áp dụng Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lý Thị M không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tại phiên họp, Tòa án nhân huyện T nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh

Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Lý Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phàn Thị N, anh Hoàng A Q, Ủy ban nhân dân xã B vắng mặt tại phiên họp, có đơn xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Phàn Thị N và anh Hoàng A Q đăng ký kết hôn ngày 11/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Phàn Thị N, sinh ngày 20/02/2000 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (chị Phàn Thị N mới được 17 tuổi 7 tháng 21 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của chị Phàn Thị N và anh Hoàng A Q tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến thời điểm hiện tại, anh Q, chị N đã đủ tuổi kết hôn, quá trình chung sống anh Q, chị N có mâu thuẫn, đồng thời anh Q, chị N đều thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị M về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Thị N và anh Hoàng A Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 11/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Hoàng A Q và chị Phàn Thị N vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Hoàng A Q và chị Phàn Thị N phải chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Q, chị N có 01 con chung là cháu Hoàng Thu N2 sinh ngày 07/10/2017. Quá trình giải quyết việc dân sự cháu Hoàng Thu N2 có nguyện vọng muốn được ở với chị Phàn Thị N. Anh Q và chị N thỏa thuận chị Phàn Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu N2 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh Hoàng A Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy thỏa thuận giữa anh Q chị N về nuôi con chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh Q, chị N về nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số

326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Lý Thị M không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Lý Thị M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Thị N và anh Hoàng A Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 11/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Anh Hoàng A Q và chị Phàn Thị N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng A Q và chị Phàn Thị N: Chị Phàn Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Hoàng Thu N2 sinh ngày 07/10/2017 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh Hoàng A Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng A Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Q, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lý Thị M không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- UBND xã Bản Giang;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Cao Thị Hoá